

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng GDĐT)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên sơ sở giáo dục: TRƯỜNG TIỂU HỌC QUANG PHỤC

2. Địa chỉ

- Cơ sở 1: Thôn Chính Nghị - Quang Phục - Tiên Lãng - TP Hải Phòng.
- Cơ sở 2: Thôn Bình Huệ - Quang Phục - Tiên Lãng - TP Hải Phòng.
- Điện thoại: 031308830448.
- Địa chỉ Website: thquangphuc.haiphong.edu.vn.

3. Loại hình: Trường Tiểu học công lập.

Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND xã Tiên Minh.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu

Sứ mệnh: Tạo dựng môi trường thân thiện, hợp tác, chia sẻ cùng tiến bộ, năng động, sáng tạo, có trách nhiệm và chất lượng cao

Tầm nhìn: Có uy tín giáo dục đối với cha mẹ học sinh, cộng đồng xã hội, học sinh được phát triển trong môi trường thân thiện, hiện đại

Hệ thống giá trị cơ bản: Đoàn kết, chia sẻ, nhân ái, trung thực; Kỷ cương, nền nếp, văn minh; Sáng tạo, chủ động, thích ứng; Hội nhập, khát vọng vươn lên.

Mục tiêu chung: Xây dựng thương hiệu nhà trường, có uy tín và ổn định về chất lượng giáo dục; từng bước phấn đấu theo mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường Tiểu học Quang Phục nằm trên địa bàn xã Tiên Minh, thành phố Hải Phòng. Trường được thành lập trên cơ sở sáp nhập trường Tiểu học Quang Phục với trường Tiểu học Quang Trung từ năm 2022 theo Quyết định số 2178/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 của UBND huyện Tiên Lãng về việc sáp nhập trường Tiểu học Quang Trung với trường Tiểu học Quang Phục thành trường Tiểu học Quang Phục.

Trường Tiểu học Quang Phục là trường công lập do UBND xã Tiên Minh, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, đảm bảo kinh phí cho các nhiệm vụ chi thường

xuyên, là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng; thực hiện chương trình GD tiểu học do Bộ GD&ĐT ban hành trên địa bàn xã Tiên Minh.

Từ khi thành lập đến nay trường liên tục được công nhận tập thể lao động Tiên tiến; Chi bộ đạt “Trong sạch vững mạnh”; Liên đội đạt danh hiệu Liên đội mạnh cấp Thành phố.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

- Người đại diện pháp luật: Vũ Thúy Hồng

- Chức vụ: Hiệu trưởng

- Địa chỉ nơi làm việc: Thôn Chính Nghị - Quang Phục - Tiên Lãng - TP Hải Phòng.

- Số điện thoại: 0934611539

- Gmail: Vuthuyhong2000@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

7.1. Quyết định thành lập trường

Trường được thành lập năm 2022 theo Quyết định số 2178/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 của UBND huyện Tiên Lãng về việc sát nhập trường Tiểu học Quang Trung với trường TH Quang Phục thành trường Tiểu học Quang Phục.

Tháng 7/2025 khi thực hiện chính quyền địa phương hai cấp UBND xã Tiên Minh ra Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 04/7/2025 về việc tiếp nhận các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập (cấp MN, TH, THCS) được chuyển giao từ UBND huyện Tiên Lãng về trực thuộc UBND xã Tiên Minh.

7.2. Quyết định công nhận Hội đồng trường; chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên Hội đồng trường.

- Hội đồng trường Tiểu học Quang Phục được thành lập theo Quyết định số 3056/QĐ-UBND ngày 06/9/2023 của UBND huyện Tiên Lãng về việc thành lập Hội đồng trường TH Quang Phục nhiệm kỳ 2023 - 2028.

- Danh sách Hội đồng trường:

STT	Họ tên	Chức vụ	Đơn vị công tác	Chức danh hội đồng	Ghi chú
1	Vũ Thúy Hồng	Hiệu trưởng	TH Quang Phục	CTHĐ	

2	Phạm Thị Mai	PHT.CTCD	TH Quang Phục	Thành viên	
3	Đinh Thị Thu Hương	Phó H.trưởng	TH Quang Phục	Thành viên	
4	Lưu Trọng Anh	PCT UBND	UBND xã QP	Thành viên	
5	Mai Thị Kim Chung	TTr Tổ 1	TH Quang Phục	Thành viên	
6	Phạm Thị Huệ	TTr Tổ 2	TH Quang Phục	Thành viên	
7	Phạm Thị Noi	TTr Tổ 3	TH Quang Phục	Thành viên	
8	Phạm Thị Thảo	TTr Tổ 4	TH Quang Phục	Thành viên	
9	Đoàn Thị Liễu	TTr Tổ 5	TH Quang Phục	Thành viên	
10	Phạm Thị Hương	TTr Tổ HC	TH Quang Phục	Thành viên	
11	Đào Văn Tiến	TB ĐDCMHS		Thành viên	

7.3. Quyết định điều động, bổ nhiệm Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng.

- Đ/c Vũ Thúy Hồng - Hiệu trưởng: Quyết định số 546/QĐ-UBND ngày 08/9/2025 của UBND xã Tiên Minh về việc bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng trường Tiểu học Quang Phục.

- Đ/c Phạm Thị Mai - Phó Hiệu trưởng: Quyết định số 549/QĐ-UBND ngày 08/9/2025 của UBND xã Tiên Minh về việc bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng trường Tiểu học Quang Phục.

- Đ/c Phạm Thanh Tùng - Phó Hiệu trưởng: Quyết định số 541/QĐ-UBND ngày 08/9/2025 của UBND xã Tiên Minh về việc bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng trường Tiểu học Quang Phục.

7.4. Quy chế tổ chức và hoạt động

7.4.1. Cơ chế hoạt động của trường Tiểu học Quang Phục

- Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

- Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có

thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

- Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

- Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

7.4.2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn

- Trường Tiểu học Quang Phục là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống GD quốc dân, cung cấp dịch vụ GD công lập, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND xã Tiên Minh.

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về GD, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình GDPT do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong các HĐGD.

- Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý HS theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

- Tổ chức cho cán bộ giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.

- Quản lý cán bộ giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng GD, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng GD, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở GD trong quản lý các HĐGD); bảo đảm việc tham gia của HS, gia đình và xã hội trong quản lý các HĐGD theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

7.4.2. Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

- 01 Hội đồng trường với 11 thành viên.

+ 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.

+ 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.

+ Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).

+ Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 33 đảng viên.

+ Tổ chức Đoàn đội: có 15 lớp sao nhi đồng và 13 chi đội.

+ Ban đại diện CMHS.

+ Các tổ chuyên môn: 05 tổ chuyên môn.

7.5. Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường

- Địa chỉ nơi làm việc: Thôn Chính Nghi, xã Quang Phục, huyện Tiên Lãng

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Vũ Thúy Hồng	Hiệu trưởng	0934611539	vuthuyhong2000@gmail.com
2	Phạm Thị Mai	P. Hiệu trưởng	0989298841	
3	Phạm Thanh Tùng	P. Hiệu trưởng	0906133582	

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục: Quyết định số 108/QĐ-THQP ngày 15/10/2025 về việc Về việc Ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường” Năm học: 2025 - 2026.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

- Tổng số CBQL, GVNV: 48 người ; Trong đó :

Biên chế : 46 người ; hợp đồng BV: 02 người ;

Đảng viên: 33 người;

- CBQL : 03 người. Trình độ chuyên môn: Đại học 03 người; Trình độ Lý luận chính trị : Trung cấp 03 người; QLNN 03 người; QLGD 03 người.

- Giáo viên giảng dạy: 39/28 lớp, đạt tỷ lệ : 1.39 GV/lớp (chỉ tính diện BC và HĐ huyện). GV TPT Đội : 01 người;

Trình độ chuyên môn (chỉ tính BC và HĐ huyện, tính cả GV TPT): 41 người.

Cơ cấu GV :

Môn dạy		Văn hóa	Âm nhạc	Mỹ thuật	N.ngữ	Thể dục	Tin học
Số lượng		33	02	02	03	0	0
Chia ra:	Biên chế	33	02	02	03	0	0
	HĐ	0	0	0	0	0	0

- Nhân viên : 05 Trình độ : Đại học : 02 ; Trung cấp : 01 ; Khác : 02 ; Chia ra :

Nhân viên		Kế toán	Văn thư	TV-TB	Bảo vệ	NV Khác
Số lượng		01	01	01	02	0
Chia ra:	Biên chế	01	01	01	0	0
	Hợp đồng	0	0	0	02	0

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT:

1. Diện tích, khuôn viên

- Diện tích: 13.779 m², bình quân đạt 15.2m²/HS.

- Khuôn viên, quy hoạch: 6.500 m²

2. Khối phòng hành chính, quản trị; Khối phòng học tập; Khối phòng hỗ trợ học tập; Khối phụ trợ; Sân chơi, sân tập TDTT; Hạ tầng kỹ thuật ...

STT	Các hạng mục công trình	Số lượng			
		Tổng số	Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
1	Khối phòng học tập				
1.1	Phòng học	29	29	0	0
1.2	Phòng học bộ môn Âm nhạc	2	2	0	0
1.3	Phòng học bộ môn Mỹ thuật	2	2	0	0
1.4	Phòng học bộ môn KH công nghệ	1	1	0	0
1.5	Phòng học bộ môn Tin học	2	2	0	0
1.6	Phòng học đa chức năng	0	0	0	0
2	Khối phòng hỗ trợ học tập				
2.1	Thư viện	2	2	0	0
2.2	Phòng thiết bị giáo dục	1	1	0	0
2.3	Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục HS khuyết tật học hòa nhập	1	1	0	0
2.4	Phòng Đội Thiếu niên	2	2	0	00
2.5	Phòng truyền thống	1	1	0	
3	Khối phụ trợ				
3.1	Phòng họp	2	1	1	0
3.2	Phòng Y tế trường học	2	2	0	0
3.3	Nhà kho	2	2	0	0
3.4	Khu để xe học sinh	4	2	2	0
3.5	Khu vệ sinh học sinh	2	2	0	0
3.6	Phòng giáo viên	1	1	0	0
3.7	Phòng nghỉ giáo viên	0	0	0	0
3.8	Nhà công vụ cho giáo viên	0	0	0	0
4	Khu sân chơi, thể dục thể thao				
4.1	Sân trường	6000 m ²			
4.2	Sân thể dục thể thao	1500 m ²			
4.3	Nhà đa năng	0	0	0	0
5	Tổng diện tích đất (m²)	13 779			
6	Nguồn nước sinh hoạt hợp VS	x			
7	Nguồn điện lưới	x			
8	Kết nối Internet	x			
9	Trang thông tin điện tử (website)				

3. Số thiết bị giáo dục hiện có đối chiếu với yêu cầu tối thiểu

1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu	(Đơn vị tính: Bộ)			
1.1	Tổng số TBDH TT hiện có theo quy định				
1.1.1	Khối lớp 1	3			
1.1.2	Khối lớp 2	3			
1.1.3	Khối lớp 3	3			
1.1.4	Khối lớp 4	3			
1.1.5	Khối lớp 5	0			
1.2	TS TBDH TT còn thiếu so với quy định				
1.2.1	Khối lớp 1	3			
1.2.2	Khối lớp 2	3			
1.2.3	Khối lớp 3	3			
1.2.4	Khối lớp 4	3			
1.2.5	Khối lớp 5	6			
2	Tổng số máy tính đang được sử dụng phục vụ học tập	45			
3	Tổng số thiết bị dùng chung				
3.1	Ti vi				
3.2	Cát sét				
3.3	Máy chiếu				
3.4	Máy chiếu vật thể				
4	Nguồn nước sinh hoạt hợp VS	x			
5	Nguồn điện lưới	x			
6	Kết nối Internet	x			
7	Trang thông tin điện tử (website)				

4. Danh mục SGK sử dụng trong cơ sở giáo dục; Danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ GDĐT.

4.1. Danh mục SGK sử dụng trong cơ sở giáo dục

4.1.1. Danh mục SGK lớp 1

TT	Tên sách	Tên bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Ngân Hoa, Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Vũ Kim Bảng, Trịnh Cẩm Lan, Chu Thị Phương, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hào Tâm.	NXB Giáo dục Việt Nam
2	Toán 1	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Bùi Bá Mạnh.	NXB Giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức 1	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan (Tổng CB), Trần Thành Nam (Chủ biên), Lê TTuyết Mai, Lục Thị Nga.	NXB Giáo dục Việt Nam
4	Tự nhiên và Xã hội 1	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thân (Chủ biên), Đào Thị Hồng, Phương Hà Lan, Hoàng Quý Tinh.	NXB Giáo dục Việt Nam
5	Giáo dục Thể chất 1	Kết nối tri thức với cuộc sống	Ng. Duy Quyết (Tổng chủ biên), Lê Anh Thơ (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	NXB Giáo dục Việt Nam
6	Âm nhạc	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân.	NXB Giáo dục Việt Nam
7	Mĩ thuật	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biền (Chủ biên), Phạm Duy Anh.	NXB Giáo dục Việt Nam
8	Hoạt động trải nghiệm	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Sỹ Tụng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thanh Bình (chủ biên), Vũ Thị Lan Anh, Lê Thị Luận, Trần Thị Thu.	NXB Giáo dục Việt Nam
9	Tiếng Anh	Tiếng Anh 1 (Phonics - Smart)	Nguyễn Thu Hiền (Chủ biên), Quãn Lê Duy.	NXB ĐHQG TP HCM

4.1.2. Danh mục SGK lớp 2

TT	Tên sách	Tên bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 2	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Bùi Mạnh Hùng - Trần Thị Hiền Lương (Đồng CB), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Chu Thị Phương, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hào Tâm.	NXB Giáo dục Việt Nam
2	Toán 2	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái (Tổng chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh	NXB Giáo dục Việt Nam
3	Đạo Đức 2	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan (Tổng CB), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Lê Thị Tuyết Mai.	NXB Giáo dục Việt Nam
4	Tự nhiên và xã hội 2	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thán (Chủ biên), Đào Thị Hồng, Phương Hà Lan, Phạm Việt Quỳnh, Hoàng Quý Tinh.	NXB Giáo dục Việt Nam
5	Giáo dục Thể chất 2	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Duy Quyết, Hồ Đắc Sơn (đồng Tổng Chủ biên), Lê Anh Thơ (Chủ biên), Nguyễn Thị Hà, Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thu, Nguyễn Thành Trung, Nguyễn Duy Tuyền, Phạm Mai Vương.	NXB Giáo dục Việt Nam
6	Âm nhạc 2	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật, Trần Thị Kim Thăng, Nguyễn Thị Thanh Vân.	NXB Giáo dục Việt Nam

7	Mỹ thuật 2	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đoàn Thị Mỹ Hương, Đinh Gia Lê (đồng Tổng Chủ biên), Trần Thị Biên (Chủ biên), Phạm Duy Anh, Bạch Ngọc Diệp, Trần Thị Thu Trang, Bùi Quang Tuấn	NXB Giáo dục Việt Nam
8	Hoạt động trải nghiệm 2	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy, Bùi Sỹ Tụng (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh, Nguyễn Thanh Bình (đồng Chủ biên), Vũ Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Lê Thị Luân, Trần Thị Tố Oanh, Trần Thị Thu.	NXB Giáo dục Việt Nam
9	Tiếng Anh 2	Tiếng Anh 2 Phonics-Smart	Nguyễn Thu Hiền (Chủ biên), Quản Lê Duy.	NXB ĐH Quốc gia TP HCM

4.1.3. Danh mục SGK lớp 3

TT	Tên sách	Tên bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt	Kết nối tri thức với cuộc sống	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Trần Kim Phụng.	NXB giáo dục Việt Nam
		Kết nối tri thức với cuộc sống	Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Lê Hằng, Vũ Thị Lan, Đặng Thị Hảo Tâm.	NXB giáo dục Việt Nam
2	Toán	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	NXB giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Nguyễn Thị Việt Hà.	NXB giáo dục Việt Nam

4	Công nghệ	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Lê Xuân Quang, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh.	NXB giáo dục Việt Nam
5	GĐTC	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	NXB giáo dục Việt Nam
6	HĐTN	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh.	NXB giáo dục Việt Nam
7	TNXH	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thân (Chủ biên), Phan Thanh Hà, Đào Thị Hồng, Nguyễn Hồng Liên, Nguyễn Thị Thanh Thủy.	NXB giáo dục Việt Nam
8	Âm nhạc	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật.	NXB giáo dục Việt Nam
9	Mỹ thuật	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Xuân Nghị (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biển, Đoàn Thị Mỹ Hương (đồng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Bạch Ngọc Diệp, Trần Thị Thu Trang.	NXB giáo dục Việt Nam
10	Tin học	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đặng Cao Tùng, Đặng Bích Việt.	NXB giáo dục Việt Nam
11	Tiếng Anh (Global Success)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Phan Hà (Chủ biên), Nguyễn Thị Hải Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Quốc	NXB giáo dục Việt Nam

4.1.4. Danh mục SGK lớp 4

TT	Tên sách	Tên bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt	Kết nối tri thức với cuộc sống	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan.	NXB giáo dục Việt Nam
		Kết nối tri thức với cuộc sống	Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm.	NXB giáo dục Việt Nam
2	Toán	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	NXB giáo dục Việt Nam
3	Lịch sử Địa lý	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương, Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí), Đặng Tiên Dung, Đoàn Thị Thanh Phương.	NXB giáo dục Việt Nam
4	Khoa học	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Diệu Nga, Đào Thị Sen, Triệu Anh Trung.	NXB giáo dục Việt Nam
5	Tin học	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đặng Cao Tùng.	NXB giáo dục Việt Nam
6	Công nghệ	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Đồng Huy Giới, Dương Giáng Thiên Hương, Bùi Thị Thu Hương, Nguyễn Bích Thảo.	NXB giáo dục Việt Nam
7	Âm nhạc	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đỗ T Minh Chính (Tổng Chủ biên), Ng Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn T Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	NXB giáo dục Việt Nam

8	Mĩ thuật	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biền, Đoàn Thị Mỹ Hương (đồng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trần Thị Thu Trang.	NXB giáo dục Việt Nam
9	Hoạt động trải nghiệm	Kết nối tri thức với cuộc sống	La Thu Thủy(Tổng chủ biên), Nguyễn Thụy Anh(Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh.	NXB giáo dục Việt Nam
10	Tiếng Anh 4 (Global Success)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quốc Tuấn (Chủ biên), Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Minh Tuấn.	NXB giáo dục Việt Nam

4.1.5. Danh mục SGK lớp 5: Sử dụng bộ sách giáo khoa lớp 5 thực hiện chương trình GDPT 2006.

4.2. Danh mục xuất bản phẩm tham khảo sử dụng trong cơ sở giáo dục

STT	Tên tài liệu	Đối tượng sử dụng
1	Vở bài tập Toán tập 1, 2	Học sinh lớp 1
2	Vở bài tập Tiếng Việt tập 1, 2	Học sinh lớp 1
3	Vở Tập viết lớp 1 tập 1, 2	Học sinh lớp 1
4	Vở bài tập Toán tập 1, 2	Học sinh lớp 2
5	Vở bài tập Tiếng Việt tập 1, 2	Học sinh lớp 2
6	Vở Tập viết lớp 2 tập 1, 2	Học sinh lớp 2
7	Vở bài tập Toán 3 tập 1, 2	Học sinh lớp 3
8	Vở bài tập Tiếng Việt 3 tập 1, 2	Học sinh lớp 3
9	Hoạt động trải nghiệm 3 - Sách giáo viên	Giáo viên lớp 3
10	Vở bài tập Toán 4 tập 1,2	Học sinh lớp 4
11	Vở bài tập Tiếng Việt 4 tập 1,2	Học sinh lớp 4
12	Toán 4 (Dành cho buổi học thứ 2)	Giáo viên lớp 4
13	Tiếng Việt 4 (Dành cho buổi thứ 2)	Giáo viên lớp 4
14	Bộ sách giáo viên lớp 4 – KNTT với cuộc sống	Giáo viên lớp 4
15	Vở bài tập Toán 5 tập 1,2	Học sinh lớp 5

16	Vở bài tập Tiếng Việt 5 tập 1,2	Học sinh lớp 5
17	Toán tập 1, tập 2 (Sách dành cho buổi học thứ 2)	Giáo viên lớp 5
18	Luyện tập làm văn 5 (Kết nối tri thức)	Giáo viên lớp 5
19	Bộ sách giáo viên 5 - KNTT với cuộc sống	Giáo viên lớp 5
20	Bộ đồ dùng toán học 5	Học sinh lớp 5
21	Bộ đồ dùng lắp ghép kỹ thuật 5	Học sinh lớp 5
22	Tiếng Anh 3 - Sách Bài Tập – Global success	Học sinh lớp 3
23	Tiếng Anh 4 - Sách Bài Tập - Global success	Học sinh lớp 4
24	Tiếng Anh 5 - Sách Bài Tập- Global success	Học sinh lớp 5
25	Bộ flashcards Tiếng Anh lớp 5	Giáo viên Tiếng Anh
26	Sách giáo viên Mỹ thuật lớp 4	Giáo viên Mỹ thuật
27	Sách giáo viên Mỹ thuật lớp 5	Giáo viên Mỹ thuật
28	Sách giáo viên Âm nhạc lớp 4	Giáo viên Âm nhạc
29	Sách giáo viên Âm nhạc lớp 5	Giáo viên Âm nhạc

(Danh mục gồm có 29 loại)

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

Kết quả tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	-
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	-

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chí 1.6		x	x	Không đạt
Tiêu chí 1.7		x	x	-
Tiêu chí 1.8		x	x	-
Tiêu chí 1.9		x	x	-
Tiêu chí 1.10		x	x	-
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	x
Tiêu chí 2.4		x	x	x
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x	x	x
Tiêu chí 3.2		x	x	Không đạt
Tiêu chí 3.3		x	x	x
Tiêu chí 3.4		x	x	-
Tiêu chí 3.5		x	x	x
Tiêu chí 3.6		x	x	x
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	x
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	-
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	x
Tiêu chí 5.4		x	x	x
Tiêu chí 5.5		x	x	x
Tổng kết		27	27	17

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hằng năm.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC:

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học:

1.1. Kế hoạch tuyển sinh của cơ sở giáo dục

Nhà trường đã xây dựng và triển khai kế hoạch tuyển sinh đúng theo các văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo, bảo đảm công khai, minh bạch, đúng đối tượng và đúng quy định.

- Đối tượng tuyển sinh: Học sinh trong độ tuổi theo quy định của Điều lệ trường học, có hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn tuyển sinh được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Chỉ tiêu tuyển sinh: Thực hiện tuyển sinh theo chỉ tiêu được Phòng VHXH giao hằng năm, căn cứ vào điều kiện cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên và quy mô lớp học của nhà trường.

- Phương thức tuyển sinh: Tuyển sinh theo hình thức xét tuyển, bảo đảm đúng quy định, không tổ chức thi tuyển; ưu tiên tiếp nhận học sinh đúng tuyển, tạo điều kiện thuận lợi cho phụ huynh và học sinh.

- Thời gian tuyển sinh: Thực hiện theo khung thời gian tuyển sinh chung do Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành; thông báo công khai kế hoạch, thời gian và quy trình tuyển sinh trên bảng tin, website (nếu có) và qua hệ thống thông tin của địa phương.

- Các thông tin liên quan khác: Nhà trường thực hiện tiếp nhận hồ sơ, tư vấn tuyển sinh, giải đáp thắc mắc của phụ huynh học sinh kịp thời; đảm bảo quyền lợi học tập của học sinh, đặc biệt là học sinh thuộc diện chính sách, học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

1.2. Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục:

- Nhà trường xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục năm học trên cơ sở Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành, bảo đảm mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường và đặc điểm của học sinh.

- Kế hoạch giáo dục được cụ thể hóa theo từng khối lớp, từng môn học và hoạt động giáo dục; chú trọng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; tăng cường

các hoạt động trải nghiệm, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục đạo đức, lối sống và truyền thống.

- Nhà trường chủ động điều chỉnh kế hoạch giáo dục một cách linh hoạt nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, bảo đảm hoàn thành chương trình năm học theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.3. Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh;

- Nhà trường xây dựng và thực hiện quy chế phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và các tổ chức xã hội trong công tác chăm sóc, giáo dục HS.

- Thông qua Ban đại diện cha mẹ học sinh, các cuộc họp phụ huynh, sổ liên lạc (truyền thống hoặc điện tử), nhà trường thường xuyên trao đổi thông tin về tình hình học tập, rèn luyện và sự tiến bộ của học sinh.

- Nhà trường phối hợp với chính quyền địa phương, các đoàn thể, tổ chức xã hội trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, phòng chống bạo lực học đường, an toàn giao thông, phòng chống tai nạn thương tích và bảo đảm an ninh, an toàn trường học.

1.4. Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục;

Nhà trường triển khai nhiều chương trình, hoạt động nhằm hỗ trợ học tập, rèn luyện và sinh hoạt cho HS, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.

- Tổ chức các hoạt động phụ đạo học sinh chưa hoàn thành yêu cầu học tập; bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, HS tham gia các hội thi, sân chơi trí tuệ.

- Tăng cường các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm, sinh hoạt tập thể, rèn luyện kỹ năng sống và kỹ năng tự phục vụ cho học sinh.

- Quan tâm hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn thông qua các chương trình khuyến học, khuyến tài; phối hợp với các tổ chức, cá nhân để động viên, giúp đỡ học sinh vươn lên trong học tập.

- Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao nhằm nâng cao thể chất, tinh thần và tạo môi trường giáo dục thân thiện, an toàn cho HS.

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế

2.1. Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

Trong năm học, công tác tuyển sinh của nhà trường được thực hiện đúng kế hoạch, đúng đối tượng, bảo đảm chỉ tiêu được giao và tuân thủ các quy định hiện hành của ngành Giáo dục và Đào tạo. Việc tiếp nhận học sinh diễn ra thuận lợi, công khai, minh bạch, đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh trên địa bàn.

- Kết quả tuyển sinh: Nhà trường tuyển sinh đủ số lượng học sinh theo chỉ tiêu được giao; tỷ lệ học sinh ra lớp đạt 100%, không để xảy ra tình trạng học sinh trong độ tuổi mà không được đến trường.

- Tổng số học sinh theo từng khối lớp: Quy mô học sinh được phân bố theo từng khối lớp phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên; số lớp học được bố trí hợp lý, bảo đảm sĩ số theo quy định.

- Số học sinh bình quân/lớp theo từng khối: Sĩ số học sinh bình quân/lớp ổn định, đáp ứng yêu cầu về tổ chức dạy học, thuận lợi cho việc quản lý và nâng cao chất lượng giáo dục.

- Số lượng học sinh học 02 buổi/ngày: Nhà trường tổ chức dạy học 02 buổi/ngày cho học sinh theo lộ trình và điều kiện thực tế; nội dung buổi học thứ hai tập trung củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng, tổ chức các hoạt động trải nghiệm và giáo dục toàn diện cho học sinh.

- Cơ cấu học sinh: Số lượng học sinh nam và học sinh nữ tương đối cân đối giữa các khối lớp.

- Có học sinh khuyết tật học hòa nhập, được theo dõi, hỗ trợ và xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với khả năng của từng học sinh.

- Học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh: Trong năm học, nhà trường thực hiện việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ học sinh chuyển đến, chuyển đi đúng quy định; đảm bảo quyền lợi học tập liên tục cho học sinh, phối hợp chặt chẽ với gia đình và các cơ sở giáo dục liên quan.

2.2. *Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp;*

2.2.1. *Thống kê kết quả đánh giá học sinh năm học 2024 - 2025*

*** Kết quả đánh giá học sinh năm học 2024 - 2025 (tính cả HS khuyết tật học hòa nhập):**

+ Môn học/HĐGD:

Môn học	Tổng số HS lớp 1,2,3,4	Số HS đánh giá	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa HT	
			SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ
Tiếng Việt	850	850	733	85,7	112	13,1	5	0,6
Toán	850	850	697	82,0	145	17,0	8	1,0

Mỹ thuật	850	850	719	84,1	131	15,3	0	0
Âm nhạc	850	850	708	82,8	142	16,6	0	0
GD thể chất	850	850	728	85,1	122	14,3	0	0
Đạo đức	850	850	730	85,4	120	14,0	0	0
Tự nhiên - XH	479	479	410	85,4	69	14,4	0	0
TH và CN (TH)	529	529	462	86,7	67	12,6	0	0
TH và CN (CN)	529	529	459	86,1	70	13,1	0	0
HD trải nghiệm	850	850	723	84,6	127	14,9	0	0
Tiếng Anh	850	850	692	80,9	158	18,5	1	0.1
Khoa học	371	371	329	87,7	42	11,2	0	0
LS-ĐL	371	371	338	90,1	33	8,8	0	0

+ Năng lực:

Năng lực		Tổng số HS lớp 1,2,3,4	Số HS đánh giá	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
				Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
Năng lực chung	Tự chủ và tự học	850	850	700	82,4	147	17,3	3	0,4
	Giao tiếp và hợp tác	850	850	707	83,2	141	16,6	2	0,2
	GQVĐ và sáng tạo	850	850	686	80,7	162	19,1	2	0,2
Năng lực đặc thù	Ngôn ngữ	850	850	716	84,2	129	15,2	5	0,6
	Tính toán	850	850	692	81,4	151	17,8	7	0,8
	Khoa học	850	850	719	84,6	131	15,4	0	0
	Thẩm mỹ	850	850	732	86,1	118	13,9	0	0
	Thể chất	850	850	733	86,2	117	13,8	0	0
	Công Nghệ	529	529	453	85,6	76	14,4	0	0
	Tin học	529	529	441	83,4	88	16,6	0	0

+ Phẩm chất:

Phẩm chất	Tổng số HS lớp 1,2,3,4	Số HS đánh giá	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
			SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ
Yêu nước	850	850	823	96,8	27	3,2	0	0
Nhân ái	850	850	798	93,9	52	6,1	0	0

Chăm chỉ	850	850	713	83,9	137	16,1	0	0
Trung thực	850	850	789	92,8	61	7,2	0	0
Trách nhiệm	850	850	750	88,2	100	11,8	0	0

2.2.2 . Tỷ lệ HS hoàn thành chương trình lớp học 99.3%;

2.2.3. Tỷ lệ HS hoàn thành chương trình Tiểu học đạt 100%;

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH:

Hằng năm, nhà trường căn cứ vào ngân sách được giao, các nguồn thu tại trường để lập dự toán thu chi. Dự toán được xây dựng đúng quy trình. Nhà trường thực hiện thu chi, quyết toán và báo cáo tài chính theo chế độ kế toán, tài chính của Nhà nước: có dự toán, quyết toán tài chính, báo cáo tài chính theo từng năm học và thực hiện đầy đủ các quy định quản lý, lưu trữ hồ sơ chứng từ. Hệ thống sổ sách, chứng từ của trường đầy đủ và hợp lệ. Các khoản thu chi của nhà trường đều thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của các cấp có thẩm quyền. Căn cứ vào tình hình thực tế, trường đã ban hành các quy chế thực hiện công tác công khai, quản lý tài sản. Ngay đầu mỗi năm học, Hiệu trưởng căn cứ vào nhiệm vụ năm học để xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ trường học và định kỳ tự kiểm tra công tác tài chính, tài sản theo đúng quy định, quy chế chi tiêu nội bộ. Nhà trường thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định về công tác công khai trong cơ sở giáo dục. Trong quá trình thực hiện, khi có điểm chưa phù hợp hoặc có vấn đề phát sinh do hướng dẫn chỉ đạo thay đổi của cơ quan quản lý tài chính cấp trên, quy chế chi tiêu nội bộ được điều chỉnh, bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành.

Nhà trường thực hiện công tác quản lý tài chính, tài sản bảo đảm đúng luật, công khai, minh bạch. Đồng chí hiệu trưởng luôn nhận thức đúng đắn trách nhiệm của mình trong việc huy động và sử dụng nguồn tài chính bảo đảm tiết kiệm nhưng có hiệu quả cao nhất, huy động nguồn tài chính và biết tổ chức phân phối, sử dụng các nguồn tài chính hợp lý nhằm phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập ngày càng tốt.

Cơ sở vật chất, tài sản của nhà trường được sử dụng triệt để. Một số tài sản của trường được đưa tới từng lớp, bàn giao cho GV và HS bảo quản, sử dụng có hiệu quả. Trường luôn quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích để phục vụ các hoạt động giáo dục, cuối mỗi năm có báo cáo cấp trên. Phòng tài vụ tham mưu cho đồng chí HT về công tác quản lý tài chính, tài sản trong trường, thường xuyên bảo dưỡng, nghiêm túc kiểm kê theo định kỳ.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Thực hiện tốt công tác phòng chống dịch

- Triển khai và thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo về công tác phòng dịch tại trường.

- Trang bị đầy đủ CSVC cho công tác phòng chống dịch và thực hiện đúng hướng dẫn của Bộ y tế, phun khử khuẩn tất cả các lớp và các phòng chức năng, phun thuốc diệt muỗi phòng bệnh sốt xuất huyết.

- Thực hiện tốt công tác VS ATTP.

2. Về các phong trào hoạt động khác:

- Chi đoàn, Đội và giáo viên các khối phối hợp tổ chức tốt các giờ sinh hoạt tập thể, phát thanh măng non; tuyên truyền sâu về phòng chống bạo lực học đường, phòng chống xâm hại trẻ; tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho HS.

- Công tác Đội TNND: Liên đội tổ chức tốt các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp góp phần giáo dục đạo đức cho HS. Làm nòng cốt cho phong trào "Xây dựng trường học thân thiện HS tích cực", phong trào thể dục vệ sinh nếp sống quân sự, xây dựng nề nếp cho HS. Tích cực phát động các phong trào thi đua học tập, phong trào nói lời hay làm việc tốt, các phong trào quyên góp ủng hộ HS nghèo, các trò chơi dân gian. Quan tâm giáo dục kỹ năng sống, kỹ năng tham gia các hoạt động tập thể cho HS.

- Duy trì việc phát thanh măng non nêu gương người tốt, việc tốt. Tổ chức các Câu lạc bộ năng khiếu, Câu lạc bộ sở thích: Âm nhạc, Mĩ thuật, Tiếng Anh, Cờ vua, bóng bàn.... Đẩy mạnh hoạt động câu lạc bộ chiến sĩ an ninh nhỏ tuổi xây dựng nề nếp học tập, sinh hoạt, môi trường sư phạm lành mạnh; phối hợp với các đoàn thể tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp để tuyên truyền về an toàn giao thông, phòng tránh tệ nạn xã hội cho học sinh.

- Tổ chức thành công các chuyên đề:

+ Cấp trường: *Tuyên truyền về An toàn giao thông, Phòng chống đuối nước.*

+ Chuyên đề cấp thành phố "Ngày Tết quê em."

Nhiều năm liền Liên đội được xếp loại vững mạnh cấp Thành phố.

3. Công tác xã hội hóa:

- Phụ huynh luôn phối hợp ủng hộ các chủ trương của nhà trường trong công tác dạy dỗ và chăm sóc học sinh; luôn quan tâm đến đội ngũ CB - GV - NV.

- Phụ huynh các lớp tích cực tham gia ủng hộ từ thiện.

4. Công tác bán trú và chăm sóc sức khỏe học sinh:

- Thực hiện tốt nề nếp bán trú, đảm bảo chế độ ăn hợp lý, phong phú, VSAT thực phẩm; hàng tuần công khai thực đơn và định lượng bữa ăn của các con trên website.

- Đại diện PHHS các lớp cùng BGH, công đoàn, y tế, thanh tra tham gia giám sát thực phẩm hàng ngày.

- Quan tâm sức khỏe HS; đảm bảo công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, theo dõi dịch bệnh trong HS.

5. Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục:

- 100% CB-GV trong nhà trường thường xuyên trau dồi phẩm chất, đạo đức và học tập để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ thông qua các hình thức: Sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề, tham gia đủ các buổi tập huấn về công tác chuyên môn, đánh giá HS.

- Tổ chức cho 100% giáo viên trong độ tuổi được tập huấn về tin học và ứng dụng phần mềm dạy học. Tạo mọi điều kiện cho giáo viên tham gia các lớp đào tạo để nâng cao trình độ.

- Chi bộ trường có 33 đảng viên, các đảng viên đều gương mẫu, hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt nhiệm vụ

6. Đầu tư cơ sở vật chất:

- Mua thay mới 05 máy tính cho phòng Tin, bổ sung 4 ti vi cho lớp học, bảng trượt.

- Mua 40 bộ bàn ghế mới, sửa chữa bàn ghế, tủ cốc, lắp thanh chắn chuột, sửa chữa rèm, sửa chữa hệ thống PCCC, bảo dưỡng trang thiết bị CNTT các lớp, kiểm định trạm biến áp điện...

- Trang trí KCSP, tạo môi trường và không gian đẹp, hấp dẫn, thân thiện

7. Công tác quản lý:

- Nhà trường làm tốt công tác kiểm tra nội bộ, kiểm tra HĐSP của giáo viên. Tăng cường trật tự kỉ cương, nề nếp trong trường.

- Thường xuyên kiểm tra, thăm lớp dự giờ, quản lý chặt chẽ chất lượng giáo dục và việc thực hiện quy chế chuyên môn của giáo viên, nội quy và quy chế dân chủ trong nhà trường.

- Thực hiện tốt việc quản lý tài chính phần mềm kế toán; thu chi thỏa thuận đúng quyết định 55 của thành phố và được UBND huyện phê duyệt; bám sát quy chế chi tiêu nội bộ; đảm bảo thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

- Ban giám hiệu đã phổ biến cho toàn thể CB, GV, NV và CMHS các Nghị quyết của HĐND Thành phố Hải Phòng quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của thành phố Hải Phòng.

- Quản lý CBGV, NV chặt chẽ, phân công đúng người rõ việc, công bằng.

- Triển khai tập huấn, hỗ trợ và động viên GV kịp thời cập nhật hệ thống phần mềm CSDL Ngành đảm bảo tiến độ.

- Thực hiện tốt đánh giá viên chức hàng tháng trên hệ thống phần mềm.

- Đảm bảo công khai, công bằng, chính xác việc bình xét thi đua hàng năm trên cơ sở động viên nhằm phát huy năng lực cá nhân và sức mạnh tập thể, cộng đồng trách nhiệm trong mọi công việc.

- Không có cá nhân bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

- Huy động sự vào cuộc của các tổ chức đoàn thể thông qua các hoạt động; có sơ tổng kết và tuyên dương, nhắc nhở kịp thời để rút kinh nghiệm.

- Đảm bảo chất lượng đại trà và mũi nhọn học sinh; nâng cao trình độ giáo viên, nhân viên.

Trên đây là báo cáo thường niên năm 2025 của trường Tiểu học Quang Phục theo mẫu 01 Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT./.

Nơi nhận:

- Phòng VHXH xã;

- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Vũ Thúy Hồng